

**BẢNG KÊ VỊ TRÍ, DIỆN TÍCH, GIÁ KHỞI ĐIỂM, TIỀN BÁN HỒ SƠ,
TIỀN ĐẶT TRƯỚC CHO TỪNG LÔ ĐẤT ĐẦU GIÁ.**

**HĐ:.... = 25 Lô tại điểm dân cư mới thuộc thôn Tân Lập, xã Nam Đồng,
thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương (nay là tổ dân phố Tân Lập, phường
Nam Đồng, thành phố Hải Phòng)**

STT	Vị trí quy hoạch		Giá khởi điểm dự kiến		Tiền hồ sơ (đ/hồ sơ/lô đất)	Tiền đặt trước (đ/lô đất)
	Lô đất	Diện tích (m ²)	Đơn giá (đ/m ²)	Thành tiền/lô đất		
1	A01	75,69	8.500.000	643.365.000	100.000	128.673.000
2	A02	63,95	8.500.000	543.575.000	100.000	108.715.000
3	A03	63,75	8.500.000	541.875.000	100.000	108.375.000
4	A04	60,97	8.500.000	518.245.000	100.000	103.649.000
5	A05	59,63	8.500.000	506.855.000	100.000	101.371.000
6	A06	59,63	8.500.000	506.855.000	100.000	101.371.000
7	A07	59,63	8.500.000	506.855.000	100.000	101.371.000
8	A08	74,68	8.500.000	634.780.000	100.000	126.956.000
9	B01	62	8.500.000	527.000.000	100.000	105.400.000
10	B02	58,38	8.500.000	496.230.000	100.000	99.246.000
11	B03	53,36	8.500.000	453.560.000	100.000	90.712.000
12	C01	82,74	8.500.000	703.290.000	100.000	140.658.000
13	C02	83,77	8.500.000	712.045.000	100.000	142.409.000
14	D01	93,62	8.500.000	795.770.000	100.000	159.154.000
15	D02	83,57	8.500.000	710.345.000	100.000	142.069.000
16	D03	76,18	8.500.000	647.530.000	100.000	129.506.000
17	D04	64,52	8.500.000	548.420.000	100.000	109.684.000
18	D05	54,51	8.500.000	463.335.000	100.000	92.667.000
19	D06	53,06	8.500.000	451.010.000	100.000	90.202.000
20	D07	57,70	8.500.000	490.450.000	100.000	98.090.000
21	D08	58,68	8.500.000	498.780.000	100.000	99.756.000

STT	Vị trí quy hoạch		Giá khởi điểm dự kiến		Tiền hồ sơ (đ/hồ sơ/lô đất)	Tiền đặt trước (đ/lô đất)
	Lô đất	Diện tích (m ²)	Đơn giá (đ/m ²)	Thành tiền/lô đất		
22	D09	59,08	8.500.000	502.180.000	100.000	100.436.000
23	D10	70,76	8.500.000	601.460.000	100.000	120.292.000
24	E01	99,20	8.500.000	843.200.000	100.000	168.640.000
25	F01	96,48	8.500.000	820.080.000	100.000	164.016.000
Tổng cộng		1.725,54		14.667.090.000		2.933.418.000